



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 12, NGÀY 19/10/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Ca thi	Thời gian		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	Sáng	7h00'	8h00'	33
02	Phòng 102B4		7h00'	8h00'	30
03	Phòng 103B4		7h00'	8h00'	26
04	Phòng 104B4		7h00'	8h00'	35
05	Phòng 201B4		7h00'	8h00'	35
06	Phòng 202B4		7h00'	8h00'	35
07	Phòng 203B4		7h00'	8h00'	28
08	Phòng 204B4		7h00'	8h00'	36
09	Phòng 205B4		7h00'	8h00'	28
10	Phòng 206B4		7h00'	8h00'	37

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0023412226	Nguyễn Lưu Khả Ái	Nữ	Kinh	18/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
2	002	0024415606	Bùi Phước An	Nữ	Kinh	12/10/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
3	003	0022410206	Nguyễn Thị Khánh An	Nữ	Kinh	31/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
4	004	087312015341	Quảng Nguyệt Anh	Nữ	Kinh	20/9/2012	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
5	005	0024418106	Nguyễn Thế Anh	Nam	Kinh	17/02/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
6	006	0024417377	Phạm Trần Duyên Anh	Nữ	Kinh	20/10/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
7	007	0024419425	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	Nữ	Kinh	16/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
8	008	0024416571	Hồ Thị Ngọc Anh	Nữ	Kinh	21/12/2006	Hậu Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
9	009	0022410399	Phan Thị Trâm Anh	Nữ	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
10	010	0022410197	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	Kinh	19/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
11	011	0022412609	Huỳnh Nguyễn Tuấn Anh	Nam	Kinh	08/9/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
12	012	0022411750	Lê Mai Tuyết Anh	Nữ	Kinh	19/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
13	013	0023413742	Lê Quốc Anh	Nam	Kinh	11/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
14	014	0022410181	Lê Lan Anh	Nữ	Kinh	22/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
15	015	0023410048	Huỳnh Thị Cẩm Bào	Nữ	Kinh	01/3/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
16	016	0023413731	Lê Hoài Bảo	Nam	Kinh	04/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
17	017	0022412650	Ngô Gia Bảo	Nam	Kinh	26/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
18	018	0023410881	Lâm Chí Bảo	Nam	Kinh	07/01/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
19	019	0024417491	Phan Thanh Bình	Nam	Kinh	19/7/2006	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
20	020	0022410865	Lê Thị Hồng Cẩm	Nữ	Kinh	03/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
21	021	0022412541	Phùng Thị Kim Chi	Nữ	Kinh	10/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
22	022	0023411698	Phạm Kim Cương	Nữ	Kinh	06/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
23	023	0022411395	Nguyễn Văn Đạt	Nam	Kinh	26/7/2004	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
24	024	0022411446	Nguyễn Thành Đạt	Nam	Kinh	06/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
25	025	0022412276	Lê Văn Đạt	Nam	Kinh	27/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
26	026	0023411709	Phạm Thị Ngọc Diễm	Nữ	Kinh	24/11/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
27	027	0023411130	Cao Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	27/5/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
28	028	0022411643	Lâm Hoàng Dĩnh	Nam	Khmer	20/10/2004	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
29	029	0022411097	Lê Trần Tấn Du	Nam	Kinh	10/12/2004	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
30	030	087312015188	Nguyễn Thanh Mỹ Dung	Nữ	Kinh	06/7/2012	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
31	031	0024418797	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	29/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
32	032	0022410641	Nguyễn Lâm Duy	Nam	Kinh	12/12/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
33	033	0022411457	Võ Duy	Nam	Kinh	20/7/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 12, NGÀY 19/10/2025

PHÒNG THI SỐ: 02

ĐỊA ĐIỂM: P.102- B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	*MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	034	0023410432	Phạm Phương Duy	Nữ	Kinh	20/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
2	035	0024418552	Võ Lê Ngọc Duy	Nam	Kinh	14/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
3	036	0024418126	Son Ngọc Duyên	Nữ	Kinh	08/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
4	037	0022412479	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	15/4/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
5	038	0024418458	Phạm Hải Duyên	Nữ	Kinh	23/01/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
6	039	0024415520	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	20/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
7	040	0023412758	Thái Thị Tuyền Em	Nữ	Kinh	03/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
8	041	0022410087	Phan Thị Kim Giang	Nữ	Kinh	12/01/2004	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
9	042	0024419058	Phạm Huỳnh Thanh Hà	Nam	Kinh	16/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
10	043	0022411345	Trần Ngọc Hải	Nam	Kinh	09/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
11	044	0024417587	Nguyễn Trường Hải	Nam	Kinh	08/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
12	045	0023310086	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	02/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
13	046	0024418606	Nguyễn Trịnh Bảo Hân	Nữ	Kinh	07/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
14	047	080303001484	Nguyễn Thị Bảo Hân	Nữ	Kinh	08/10/2003	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
15	048	0023413634	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	13/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
16	049	0023410265	Huỳnh Ngọc Hân	Nữ	Kinh	04/11/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
17	050	0023412779	Trương Nhựt Hào	Nam	Kinh	03/8/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
18	051	0023411922	Huỳnh Anh Hào	Nam	Kinh	28/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
19	052	0022410799	Võ Thanh Hào	Nam	Kinh	09/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
20	053	0023414032	Trần Đỗ Chí Hào	Nam	Kinh	31/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
21	054	087175011682	Trần Thị Hiền	Nữ	Kinh	30/4/1975	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
22	055	0022410341	Phạm Hiếu	Nam	Kinh	14/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
23	056	0024417639	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	Kinh	15/12/2006	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
24	057	0022411843	Trần Chí Hiếu	Nam	Kinh	04/3/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
25	058	0023310073	Lưu Thị Huỳnh Hoa	Nữ	Kinh	21/11/2005	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
26	059	0023411133	Trương Mỹ Hoa	Nữ	Kinh	30/01/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
27	060	0023413962	Nguyễn Đức Hoà	Nam	Kinh	11/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
28	061	0024417261	Nguyễn Văn Hòn	Nam	Kinh	12/10/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
29	062	087306010993	Phùng Thị Ngọc Huệ	Nữ	Kinh	13/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
30	063	0015410960	Tạ Thanh Huy	Nam	Kinh	28/12/1996	Kiên Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4

Tổng số thí sinh: 30



PHÒNG THI SỐ: 03

ĐỊA ĐIỂM: P.103- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	064	0022412099	Nguyễn Bảo Huy	Nam	Kinh	24/12/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
2	065	0022410638	Lê Quốc Huy	Nam	Kinh	09/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
3	066	0024415502	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	Kinh	04/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
4	067	0024417828	Dương Thị Kim Huyền	Nữ	Kinh	26/4/2006	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
5	068	0022411356	Trang Nguyễn Như Huỳnh	Nữ	Kinh	27/6/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
6	069	0024418665	Lê Thuý Huỳnh	Nữ	Kinh	13/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
7	070	0022411018	Bùi Võ Tuấn Khang	Nam	Kinh	10/8/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
8	071	0021410318	Đặng Ngọc Ngân Khánh	Nữ	Kinh	30/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
9	072	087213015312	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	Kinh	09/3/2013	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
10	073	0022412404	Nguyễn Hồng Khoa	Nam	Kinh	10/5/2004	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
11	074	0022512197	Đặng Lữ Anh Khoa	Nam	Kinh	10/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
12	075	087099003763	Võ Văn Khôi	Nam	Kinh	10/11/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
13	076	0024418964	Lê Văn Khôi	Nam	Kinh	28/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
14	077	0021411393	Nguyễn Lê Anh Kiệt	Nam	Kinh	04/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
15	078	0024310017	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	Nữ	Kinh	01/01/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
16	079	0023412140	Nguyễn Thị Huỳnh Kim	Nữ	Kinh	10/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
17	080	0022412739	Nguyễn Đăng Kỳ	Nam	Kinh	06/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
18	081	0022410239	Lê Quốc Kỳ	Nam	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
19	082	0023410753	Trương Anh Kỳ	Nam	Kinh	20/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
20	083	0022412301	Nguyễn Trương Tuyết Lan	Nữ	Kinh	30/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
21	084	0024417927	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Nữ	Kinh	24/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
22	085	0022410869	Võ Thị Ánh Linh	Nữ	Kinh	05/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
23	086	0024417228	Trần Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	06/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
24	087	0022412683	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	02/5/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
25	088	0024417468	Trần Thị Mai Linh	Nữ	Kinh	28/5/2006	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
26	089	0022410456	Trần Nhã Linh	Nữ	Kinh	16/6/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4

Tổng số thí sinh: 26



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 12, NGÀY 19/10/2025

PHÒNG THI SỐ: 04

ĐỊA ĐIỂM: P.104-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	090	0024418163	Nguyễn Phước Lộc	Nam	Kinh	03/9/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
2	091	0022411221	Mai Phước Lộc	Nam	Kinh	18/7/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
3	092	0022410395	Hà Hữu Lợi	Nam	Kinh	19/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
4	093	0022410575	Tô Đức Lợi	Nam	Kinh	27/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
5	094	0022411726	Nguyễn Thành Long	Nam	Kinh	10/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
6	095	0022412205	Đặng Tấn Luật	Nam	Kinh	29/01/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
7	096	0023310067	Lê Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	30/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
8	097	087303008520	Huỳnh Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	23/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
9	098	0023414210	Phạm Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	09/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
10	099	0024415524	Đặng Thị Cẩm Ly	Nữ	Kinh	12/8/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
11	100	0024415563	Võ Thị Cẩm Ly	Nữ	Kinh	23/11/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
12	101	0024417592	Bùi Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	16/9/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
13	102	0024415863	Lê Cẩm Ly	Nữ	Kinh	28/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
14	103	0023310059	Nguyễn Thị Anh Lý	Nữ	Kinh	03/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
15	104	0023412254	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	Kinh	22/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
16	105	0022411563	Trần Thị Huỳnh Mai	Nữ	Kinh	30/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
17	106	0024419220	Ngô Thị Trúc Mai	Nữ	Kinh	25/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
18	107	0022411934	Nguyễn Phạm Thị Trúc Mai	Nữ	Kinh	06/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
19	108	0024418749	Lê Thị Sương Mai	Nữ	Kinh	18/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
20	109	0024417533	Huỳnh Thị Kiều Mi	Nữ	Kinh	05/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
21	110	0024418053	Trần Văn Mười	Nam	Kinh	10/4/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
22	111	0024416080	Nguyễn Thị Thảo My	Nữ	Kinh	03/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
23	112	0024418720	Mai Thị Kiều My	Nữ	Kinh	24/4/2006	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
24	113	0022410190	Vương Đức Yến My	Nữ	Kinh	13/6/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
25	114	0022412162	Võ Thị Diễm My	Nữ	Kinh	25/4/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
26	115	0022410533	Phan Thị My	Nữ	Kinh	19/4/2004	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
27	116	0023411563	Trần Thị Trà My	Nữ	Kinh	14/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
28	117	0022412255	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nữ	Kinh	22/3/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
29	118	0023310088	Kiều Hoàn Mỹ	Nữ	Kinh	23/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
30	119	0024417482	Phan Thụy Anh Mỹ	Nữ	Kinh	01/3/2006	Long An	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
31	120	0024416036	Đặng Hoài Nam	Nam	Kinh	08/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
32	121	0022412515	Nguyễn Thị Thuý Nga	Nữ	Kinh	15/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
33	122	082304001757	Huỳnh Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	02/11/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
34	123	0022410744	Phạm Thanh Ngân	Nữ	Kinh	16/12/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
35	124	0022411903	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	15/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4

Tổng số thí sinh: 35



PHÒNG THI SỐ: 05

ĐỊA ĐIỂM: P.201-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	125	0024416996	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	15/02/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	126	0024417876	Lê Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	16/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	127	0024415621	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	25/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	128	0022412049	Trần Thanh Ngân	Nữ	Kinh	26/6/2003	Quảng Ngãi	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	129	0024416433	Hà Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	13/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	130	0023411318	La Thị Thuý Ngân	Nữ	Kinh	13/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	131	0024416100	Trần Gia Nghi	Nữ	Kinh	13/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	132	0023412727	Nguyễn Thị Huỳnh Nghi	Nữ	Kinh	06/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	133	0022411159	Lê Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	Kinh	26/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	134	0023411983	Phạm Văn Nghĩa	Nam	Kinh	27/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	135	0024415642	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	12/9/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	136	0023310039	Phạm Yến Ngọc	Nữ	Kinh	03/5/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	137	087197003119	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	Kinh	15/8/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	138	0024417135	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	16/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	139	0022411385	Nguyễn Dạ Minh Ngọc	Nữ	Kinh	15/4/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	140	0023413008	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	Kinh	03/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	141	0024415493	Đỗ Thị Khánh Nguyên	Nữ	Kinh	21/02/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	142	0022411137	Hà Văn Thảo Nguyên	Nam	Kinh	12/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	143	0024418798	Nguyễn Thanh Nhã	Nam	Kinh	23/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	144	0024415529	Chung Thanh Nhân	Nam	Kinh	21/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	145	0023413746	Lê Thị Kim Nhân	Nữ	Kinh	03/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	146	0023413574	Nguyễn Lê Đức Nhân	Nam	Kinh	21/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	147	0022411791	Lê Hữu Nhân	Nam	Kinh	01/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	148	087092019121	Nguyễn Tuấn Nhân	Nam	Kinh	12/02/1992	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	149	0024418226	Lưu Quốc Nhân	Nam	Kinh	29/3/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	150	0024419152	Trần Nguyễn Thiện Nhân	Nam	Kinh	16/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	151	0023310050	Trịnh Huỳnh Nhi	Nữ	Kinh	07/6/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	152	0024417145	Trần Thị Lâm Tuyết Nhi	Nữ	Kinh	05/3/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	153	0024415735	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	Kinh	15/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	154	0022410843	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	19/3/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	155	0023410418	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	06/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
32	156	0024415933	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	27/9/2003	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
33	157	0022410834	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	Kinh	09/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
34	158	0022412742	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	28/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
35	159	0020410575	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	02/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 35



PHÒNG THI SỐ: 06

ĐỊA ĐIỂM: P. 202-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	160	0022412654	Nguyễn Đào Thảo	Nhi	Nữ	Kinh	17/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	161	0024416841	Chế Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	06/11/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	162	0023411685	Nguyễn Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	19/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	163	0023413133	Trần Gia	Như	Nữ	Kinh	26/5/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	164	0024418567	Đoàn Thị Quyền	Như	Nữ	Kinh	24/4/2006	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	165	0022412258	Lê Ngọc Huyền	Như	Nữ	Kinh	10/7/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	166	0023411121	Cao Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	22/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	167	0024417075	Thái Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	28/11/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	168	0024419060	Cao Thị Hồng	Như	Nữ	Kinh	18/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	169	0023412320	Lưu Thị Kim	Nhung	Nữ	Kinh	24/12/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	170	0022410913	Nguyễn Đăng	Ninh	Nữ	Kinh	08/4/2004	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	171	0023411007	Phạm Yến	Oanh	Nữ	Kinh	06/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	172	0022410435	Phan Thị Kiều	Oanh	Nữ	Kinh	27/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	173	0022410649	Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	Kinh	01/9/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	174	0022412464	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	Nữ	Kinh	23/9/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	175	0022412105	Nguyễn Thành	Phổ	Nam	Kinh	20/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	176	0023411872	Nguyễn Cao	Phong	Nam	Kinh	19/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	177	0024416302	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	Kinh	10/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	178	0024416031	Phạm Thị Diễm	Phúc	Nữ	Kinh	10/10/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	179	0022411539	Nguyễn Thành	Phước	Nam	Kinh	26/7/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	180	0024419335	Huỳnh Trúc	Phượng	Nữ	Kinh	24/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	181	0023411483	Nguyễn Trần Hồng	Phượng	Nữ	Kinh	03/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	182	0023310048	Nguyễn Thị Trúc	Phượng	Nữ	Kinh	20/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	183	083088002459	Hồ Minh	Quang	Nam	Kinh	15/01/1988	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	184	0022411577	Đào Nhật	Quang	Nam	Kinh	28/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	185	0024416147	Mai Nguyệt	Quế	Nữ	Kinh	28/7/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	186	0023410894	Trương Lê	Quy	Nam	Kinh	28/5/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	187	0022411541	Trịnh Hữu	Quý	Nam	Kinh	22/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	188	0024415696	Nguyễn Trần Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	02/10/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	189	0023310065	Nguyễn Đỗ Thuý	Quyên	Nữ	Kinh	08/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	190	0023411854	Nguyễn Thị Thuý	Quyên	Nữ	Kinh	15/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
32	191	0024419586	Lê Thị Thảo	Quyên	Nữ	Kinh	21/5/2006	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
33	192	0022410271	Phạm Thị Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	07/6/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
34	193	0022410845	Đỗ Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	Kinh	02/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
35	194	0022410832	Đinh Thị Kim	Quyên	Nữ	Kinh	17/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 35



PHÒNG THI SỐ: 07

ĐỊA ĐIỂM: P.203- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	195	0023413787	Võ Thị Mỹ	Quyền	Nữ	Kinh	26/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	196	0023411277	Đỗ Thị Hồng	Sang	Nữ	Kinh	18/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	197	0024417489	Phạm Minh	Sang	Nam	Kinh	03/10/2006	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	198	0023410990	Huỳnh Văn Hồng	Son	Nam	Kinh	09/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	199	0023410564	Võ Nguyễn Đạt	Son	Nam	Kinh	25/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	200	0024419334	Phan Thị Thu	Sương	Nữ	Kinh	15/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	201	0024418907	Võ Thị Tuyết	Sương	Nữ	Kinh	26/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	202	0024418133	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	Kinh	04/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	203	0022412413	Nguyễn Lê Ngọc	Tâm	Nữ	Kinh	16/11/2004	Bắc Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	204	0023412685	Nguyễn Duy	Tân	Nam	Kinh	23/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	205	0023410913	Huỳnh Minh	Tấn	Nam	Kinh	27/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	206	0021413890	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	Kinh	05/3/2002	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	207	0023414069	Mai Ngọc	Thái	Nam	Kinh	27/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	208	0022410535	Trần Đắc	Thắng	Nam	Kinh	08/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	209	087081011914	Bùi Văn	Thắng	Nam	Kinh	18/8/1981	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	210	0024417789	Huỳnh Ngọc Ngân	Thanh	Nữ	Kinh	22/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	211	0022411616	Phan Thị Mỹ	Thanh	Nữ	Kinh	02/9/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	212	0022411456	Nguyễn Phạm Duy	Thanh	Nam	Kinh	24/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	213	0022412637	Ngô Thị Vân	Thanh	Nữ	Kinh	06/02/2004	Khánh Hòa	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	214	0023412057	Nguyễn Châu	Thành	Nam	Kinh	11/3/1994	Cần Thơ	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	215	0022412109	Hoàng Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	23/5/2004	Bình Thuận	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	216	087171015817	Lê Hồng Phương	Thảo	Nữ	Kinh	30/9/1971	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	217	0024416105	Huỳnh Ngô Phương	Thảo	Nữ	Kinh	15/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	218	0022410708	Đỗ Trương Thu	Thảo	Nữ	Kinh	25/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	219	0022411597	Trương Phương	Thảo	Nữ	Kinh	14/11/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	220	0022412341	Đoàn Thị Mỹ Lệ Thu	Thảo	Nữ	Kinh	20/8/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	221	0023410999	Hồ Thu	Thảo	Nữ	Kinh	14/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	222	0024415619	Phan Việt	Thấy	Nam	Kinh	08/5/2005	Hậu Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	223	0024418523	Nguyễn Minh Thi	Nữ	Kinh	26/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	224	0022410401	Lê Minh Thiện	Nam	Kinh	22/4/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	225	0024415566	Nguyễn Quốc Thịnh	Nam	Kinh	06/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	226	0023411442	Trương Thị Kim Tho	Nữ	Kinh	26/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	227	0022412116	Tạ Thị Kiều Thơ	Nữ	Kinh	15/11/2004	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	228	0022410778	Trương Thị Hồng Thơ	Nữ	Kinh	28/12/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	229	0024417737	Nguyễn Thị Kim Thơ	Nữ	Kinh	23/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	230	0022411702	Bùi Ngọc Mai Thư	Nữ	Kinh	13/10/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	231	0024417318	Lâm Anh Thư	Nữ	Kinh	17/4/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	232	0023412241	Trương Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	03/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	233	0022410787	Phan Dương Minh Thư	Nữ	Kinh	03/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	234	0023411644	Nguyễn Minh Thư	Nữ	Kinh	09/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	235	0022410365	Phan Nguyễn Ngọc Thư	Nữ	Kinh	11/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	236	0024415956	Nguyễn Anh Thư	Nữ	Kinh	07/11/2006	Tây Ninh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	237	0024419369	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	17/9/2006	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	238	0024418937	Lê Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	02/11/2005	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	239	0024415648	Dương Anh Thư	Nữ	Kinh	26/01/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	240	0022411608	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	23/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	241	0023414152	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	Kinh	22/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	242	0023410502	Lý Minh Thư	Nữ	Kinh	18/07/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	243	0023413890	Đàm Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	27/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	244	0022412477	Nguyễn Thị Huế Thương	Nữ	Kinh	31/7/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	245	0022412317	Trần Thị Mỹ Thường	Nữ	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	246	087080013849	Tổng Thế Thương	Nam	Kinh	06/6/1980	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	247	0023411467	Trần Thị Thanh Thuý	Nữ	Kinh	30/8/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	248	0023410946	Nguyễn Hoàng Phương Thuý	Nữ	Kinh	10/01/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	249	087191000756	Nguyễn Thị Diễm Thuý	Nữ	Kinh	30/01/1991	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	250	0024419053	Lý Nguyễn Anh Thùy	Nữ	Kinh	19/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	251	0024416194	Trần Quốc Trúc Thy	Nữ	Kinh	24/5/2006	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	252	0024418685	Nguyễn Thị Mai Thy	Nữ	Kinh	20/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	253	0024415958	Trần Thị Mỹ Tiên	Nữ	Kinh	10/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	254	0023310055	Trần Thị Cẩm Tiên	Nữ	Kinh	18/3/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
33	255	087098008544	Nguyễn Minh Tiến	Nam	Kinh	13/02/1998	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
34	256	0023414023	Nguyễn Phúc Tính	Nam	Kinh	22/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
35	257	0024415474	Nguyễn Lê Hà Trâm	Nữ	Kinh	04/7/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
36	258	0022412373	Lê Thị Bích Trâm	Nữ	Kinh	04/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 36



PHÒNG THI SỐ: 09

ĐỊA ĐIỂM: P.205- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	259	0023412211	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	02/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
2	260	0024418981	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	16/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
3	261	0023310089	Lê Trần Bảo Trâm	Nữ	Kinh	29/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
4	262	0024415438	Nguyễn Huỳnh Huyền Trâm	Nữ	Kinh	05/01/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
5	263	0024416000	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	13/9/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
6	264	0024417829	Nguyễn Phạm Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	16/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
7	265	0024417398	Châu Thị Bảo Trâm	Nữ	Kinh	19/7/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
8	266	0024416113	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	02/01/2006	Hà Tĩnh	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
9	267	0023413067	Nguyễn Hồng Trang	Nữ	Kinh	24/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
10	268	0022410143	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nữ	Kinh	17/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
11	269	0024418165	Trần Phú Trọng	Nam	Kinh	14/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
12	270	0021413473	Nguyễn Phạm Thảo Trúc	Nữ	Kinh	07/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
13	271	0023410915	Đặng Thanh Trúc	Nữ	Kinh	29/8/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
14	272	0022410598	Trần Văn Trường	Nam	Kinh	19/8/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
15	273	0022410640	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	18/01/2004	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
16	274	0022412734	Trần Gia Tuệ	Nữ	Kinh	14/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
17	275	0022411735	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	Kinh	08/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
18	276	0023411381	Võ Công Lý Tường	Nam	Kinh	30/8/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
19	277	0024418022	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	12/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
20	278	0024416614	Võ Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	10/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
21	279	0023411192	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	10/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
22	280	0024415866	Trần Thị Bé Ty	Nữ	Kinh	20/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
23	281	0023412755	Nguyễn Kiều Uyên	Nữ	Kinh	06/02/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
24	282	0022411683	Đặng Thị Hồng Vân	Nữ	Kinh	04/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
25	283	0022412134	Hồ Trần Uyên Vi	Nữ	Kinh	14/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
26	284	0022410812	Trương Tường Vi	Nữ	Kinh	19/11/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
27	285	0024415814	Bùi Tường Vi	Nữ	Kinh	19/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
28	286	0023411161	Thái Quốc Vinh	Nam	Kinh	27/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	287	0023413895	Nguyễn Quang Vinh	Nam	Kinh	27/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	288	0024417098	Nguyễn Long Vũ	Nam	Kinh	11/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	289	0024416307	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	Kinh	15/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	290	0022412093	Mi Văn Vương	Nam	Kinh	30/10/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	291	0024416992	Trần Ngọc Thảo Vy	Nữ	Kinh	29/8/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	292	0024310025	Đoàn Lê Kiều Vy	Nữ	Kinh	18/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	293	0023411647	Võ Thị Thảo Vy	Nữ	Kinh	24/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	294	087307004351	Huỳnh Lê Thúy Vy	Nữ	Kinh	10/12/2007	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	295	0024415531	Lê Nguyễn Tường Vy	Nữ	Kinh	20/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	296	0022310045	Lê Trần Khánh Vy	Nữ	Kinh	23/01/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	297	0022412302	Nguyễn Phạm Tường Vy	Nữ	Kinh	10/3/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	298	0024418013	Ngô Tường Vy	Nữ	Kinh	07/10/2006	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	299	0024418408	Bùi Thị Tường Vy	Nữ	Kinh	26/01/2006	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	300	0022412351	Nguyễn Thuý Vy	Nữ	Kinh	25/02/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	301	0022310014	Nguyễn Trần Thảo Vy	Nữ	Kinh	28/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	302	0024417586	Huỳnh Thị Thúy Vy	Nữ	Kinh	05/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	303	0023411774	Huỳnh Kim Xuyên	Nữ	Kinh	09/11/2005	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	304	0022411937	Phạm Nhi Ý	Nữ	Kinh	14/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	305	0022410991	Võ Thị Như Ý	Nữ	Kinh	15/9/2004	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	306	0024417836	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	29/8/2006	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	307	0023410992	Cao Như Ý	Nữ	Kinh	15/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	308	0023411775	Nguyễn Ngọc Như Ý	Nữ	Kinh	28/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	309	0020410582	Nguyễn Võ Quốc Yên	Nam	Kinh	19/01/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
24	310	0024417039	Phùng Lưu Nhựt Yên	Nam	Kinh	28/01/2006	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
25	311	0024418615	Trần Thị Kim Yên	Nữ	Kinh	11/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
26	312	0023411912	Lý Hồng Yên	Nữ	Kinh	11/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
27	313	0022410427	Trần Thị Bạch Yên	Nữ	Kinh	10/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
28	314	0023412367	Nguyễn Nhất Hào	Nam	Kinh	07/5/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
29	315	0021310096	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	Kinh	21/01/2003	Vĩnh Long	6h45'		206- B4	
30	316	0023310009	Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	Kinh	08/01/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
31	317	0022410748	Lê Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	28/10/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
32	318	0021410906	Nguyễn Ngọc Lan Tiên	Nữ	Kinh	05/7/2002	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
33	319	0022411233	Nguyễn Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	03/5/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
34	320	0024419125	Nguyễn Tường Vi	Nữ	Kinh	19/9/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'		206- B4	
35	321	0023412405	Đặng Quốc Tuấn	Nam	Kinh	04/8/2005	Vĩnh Long		08h00'		206- B4
36	322	0023413497	Trần Thị Bích Tuyền	Nữ	Kinh	30/5/2005	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
37	323	0022412054	Nguyễn Ngọc Yên	Nữ	Kinh	06/01/2004	Đồng Tháp		08h00'		206- B4

Tổng số thí sinh: 37